

## KẾ HOẠCH

### Khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2024

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-BNV ngày 10/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023; Quyết định số 273/QĐ-BNV ngày 10/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2023, Chỉ số CCHC tỉnh Gia Lai đạt 82,17/100 điểm, cao hơn năm 2022 là 1,82 điểm (năm 2022 là 80,35/100 điểm) và xếp vị trí thứ 58/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữ nguyên so với năm 2022 (năm 2022 xếp vị trí thứ 58/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai đạt 83,84%, cao hơn năm 2022 là 1,32%, xếp vị trí thứ 19/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thấp hơn 03 bậc so với năm 2022 (năm 2022 là 82,52%, xếp vị trí thứ 16/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời cải thiện và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2024, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) trong triển khai thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nâng cao hiệu quả CCHC trên địa bàn tỉnh; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2023. Phấn đấu Chỉ số CCHC; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh năm 2024 tăng điểm và tăng tỷ lệ hài lòng so với năm 2023.

## **2. Yêu cầu**

- Việc thực hiện kế hoạch phải đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các nội dung, tiêu chí đánh giá của Bộ Nội vụ.

- Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện đặc biệt là các cơ quan theo dõi, phụ trách các lĩnh vực của công tác CCHC đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số CCHC.

- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai, thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì triển khai các lĩnh vực CCHC của tỉnh phải tăng cường phối hợp, nâng cao trách nhiệm giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác CCHC.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Tập trung khắc phục, cải thiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần còn tồn tại, hạn chế**

#### **1.1. Tiêu chí thành phần “Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoàn thành việc xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh nêu cụ thể các vấn đề phát hiện qua kiểm tra và kiến nghị cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra xử lý; giao cụ thể thời gian xử lý đối với từng kiến nghị.

- Các cơ quan, đơn vị địa phương được kiểm tra khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác CCHC, đảm bảo tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra phải được xử lý; báo cáo cụ thể kết quả xử lý gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh/Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Sau khi kết thúc đợt kiểm tra.

#### **1.2. Tiêu chí thành phần “Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia; 100% hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính các cấp tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Cổng DVC của tỉnh.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các đơn vị, địa phương:

+ Thực hiện nghiêm việc cập nhật đầy đủ các hồ sơ TTHC tiếp nhận vào Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

+ Thực hiện báo cáo đầy đủ số liệu hồ sơ mà đơn vị tiếp nhận một cửa điện tử của tỉnh.

+ Thường xuyên theo dõi kết quả hiển thị đồng bộ hồ sơ, kết quả giải quyết của đơn vị mình để kịp thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xử lý.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với đơn vị xây dựng Hệ thống (Công ty Cổ phần Unitech) đề nghị hỗ trợ xử lý, khắc phục các lỗi của Hệ thống một cửa điện tử và Công dịch vụ công tỉnh Gia Lai và tiếp tục phối hợp với VNPT để triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm khắc phục việc đồng bộ dữ liệu nói riêng và các nhược điểm của hệ thống cũ nói chung.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.3. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tối thiểu 99,7% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai yêu cầu các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện xác định nguyên nhân tại một số Chi nhánh có tỷ lệ hồ sơ chậm trễ cao từ đó có giải pháp khắc phục cụ thể nhằm giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trong giải quyết thuộc lĩnh vực đất đai.

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh nâng cao hiệu quả hoạt động để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực, giải quyết hồ sơ trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; nếu để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

+ Đưa kết quả giải quyết hồ sơ TTHC là một phần của việc bình xét, xếp loại cán bộ, công chức cuối năm và thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**1.4. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số lãnh đạo cấp sở; lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương; lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần đầu tư xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ; nâng cao phẩm chất, năng lực và uy tín của cán bộ, công chức làm công tác tổ chức, cán bộ đáp ứng yêu cầu.

- Thường xuyên tự kiểm tra, rà soát, khắc phục những sai sót, hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**1.5. Tiêu chí thành phần “Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Thanh tra tỉnh tăng cường triển khai công tác thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Tiếp tục quán triệt các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm nêu gương trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế, quy trình làm việc, quy trình giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương như: quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa cấp ủy và lãnh đạo cơ quan, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn

vi... bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các văn bản của cấp trên và phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tăng cường trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đảm bảo công khai dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ, công khai tài chính...

+ Xây dựng kế hoạch và thường xuyên kiểm tra công vụ trong việc thi hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm tạo điều kiện để công chức, người lao động và nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động của công chức, người lao động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trong mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Chú trọng đến công tác phòng ngừa, tạo môi trường làm việc dân chủ, công khai, minh bạch, xây dựng tập thể đơn vị đoàn kết, không ngừng nâng cao ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật của công chức, viên chức, người lao động. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, kỷ cương tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

#### **1.6. Tiêu chí thành phần “Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đạt 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sớm ban hành kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2024 (Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức tỉnh năm 2024 sớm hơn 3 tháng so với năm 2023 để đảm bảo thời gian thực hiện); đồng thời; Sở Nội vụ đề xuất các giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng mở lớp phù hợp với tình hình thực tế nhằm từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

- Giao Sở Nội vụ kiểm tra, đôn đốc các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và đôn đốc thực hiện đối với kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm 2024 theo đúng quy định.

- Các cơ quan tiếp nhận kinh phí sử dụng đúng mục đích, xây dựng kế hoạch, chiêu sinh, mở lớp (khai giảng lớp cuối cùng chậm nhất trước ngày 30/9/2024) và thanh quyết toán đúng quy định; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ, Sở Tài chính) trước ngày 15/10/2024 để Sở Nội vụ tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch (nếu cần thiết). Các cơ quan thực hiện không đảm bảo tiến độ mở lớp hoặc không hoàn thành việc mở lớp theo kế hoạch, phát sinh việc điều chỉnh mà không có lý do chính đáng và báo cáo giải trình cụ thể thì người

đứng đầu cơ quan phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lấy kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu; làm căn cứ để thẩm định Chỉ số Cải cách hành chính của cơ quan năm 2024 và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là đối với người đứng đầu.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.7. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định đối với từng chức danh cụ thể.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Rà soát lại tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh về số lượng, chất lượng theo từng nhóm chức danh, gắn với vị trí công việc hiện tại; xác định rõ những mặt hạn chế và yếu kém để đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa sử dụng lâu dài hoặc bổ sung, thay thế; đào tạo, bồi dưỡng của địa phương cần gắn với nhu cầu sử dụng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; ưu tiên đào tạo các vị trí quan trọng, cần thiết; tiếp tục khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập, bồi dưỡng.

- Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã cho từng năm và cả nhiệm kỳ. Tổ chức rà soát để có phương án đào tạo, bồi dưỡng đối với những người còn thiếu tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, xây dựng phương án bố trí, sắp xếp sang vị trí công tác khác đối với những người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng không hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Đối với cán bộ lớn tuổi ở cấp xã hiện nay, nếu không đáp ứng đủ trình độ chuyên môn, không có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thì có thể giải quyết theo chế độ thôi việc để kiện toàn và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cho phù hợp với quy định.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ tự học tập, rèn luyện để nâng cao kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.8. Tiêu chí thành phần “Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn NSNN.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Chủ đầu tư, Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh triển khai các nội dung sau:

- Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án. Kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, đê tri trệ, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng được yêu cầu công việc được giao; phân đấu tỷ lệ giải ngân năm 2024 đạt tối thiểu 95% kế hoạch được giao; tỷ lệ giải ngân là một tiêu chí quan trọng để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm đối với cán bộ, công chức. Người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét năng lực của Giám đốc Ban quản lý dự án các cấp, nếu không có khả năng, thiếu quyết liệt, không hoàn thành nhiệm vụ thì thay thế ngay.

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024. Tập trung đẩy nhanh tiến độ, đầu tư cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, các dự án liên vùng có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Có giải pháp quyết liệt nhằm nâng cao chất lượng đề xuất, công tác chuẩn bị, phê duyệt dự án ODA.

- Chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền điều hòa linh hoạt vốn giữa các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm, phải bảo đảm tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định. Rà soát, cắt giảm kế hoạch vốn của các dự án triển khai chậm để bổ sung vốn cho các dự án có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho lĩnh vực ưu tiên, các dự án trọng điểm, có tác dụng lan tỏa, liên kết vùng, thúc đẩy tăng trưởng, có khả năng hấp thụ vốn theo hướng tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác phối hợp tháo gỡ, khó khăn vướng mắc liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng. Chủ động bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn và huy động các nguồn lực hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện đạt các mục tiêu của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Định kỳ hằng tháng, quý, cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.
- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**1.9. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Đối với Sở Tài chính:

+ Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Việc lập dự toán phải trên cơ sở chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước, dự toán phải bảo đảm chi tiết theo từng nội dung chi, thuyết minh rõ cơ sở căn cứ tính toán từng nội dung chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

+ Quá trình thực hiện chi các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chi theo đúng dự toán được giao, chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; kinh phí kinh phí đặc thù cuối năm chi không hết phải hoàn trả lại ngân sách hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

+ Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính phải tổ chức rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định để thực hiện chi tiêu, bảo đảm quy chế phải quy định rõ các nội dung chi theo chế độ, mức chi của từng nội dung chi.

+ Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.



- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.10. Tiêu chí thành phần “Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài chính:

+ Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

+ Sau khi thanh tra, kiểm toán kết thúc, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch khắc phục kiểm toán, trong kế hoạch ghi rõ cụ thể thời gian hoàn thành đối với các đơn vị, địa phương.

+ Triển khai một số nội dung như: Tích cực tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; Thường xuyên theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Các đơn vị được kiểm toán:

+ Cần nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước về thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, rà soát lại các tồn tại trong quản lý tài chính kế toán, điều hành, thanh toán và quyết toán kinh phí.

+ Tự tổ chức kiểm tra, rà soát lại kết quả kiểm toán, nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán đúng thời gian quy định và phải gửi báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán về Sở Tài chính, UBND tỉnh. Với các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước còn chưa phù hợp, không còn tính khả thi, khó khăn trong thực hiện, đơn vị được kiểm toán cần chủ động báo cáo giải trình kịp thời với cơ quan cấp trên và Kiểm toán nhà nước để được xem xét, giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.11. Tiêu chí thành phần “Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100%; 01 đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%; 01 đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên so với năm 2023.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các địa phương phải có kế hoạch triển khai các đơn vị SNCL trên địa bàn tăng cường khai thác các nguồn thu một cách hiệu quả, đảm bảo thu đúng, thu đủ thu kịp thời để đảm bảo các hoạt động chi của đơn vị, giảm chi ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.12. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đạt tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021 từ 7,5% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Căn cứ hướng dẫn về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL trong từng lĩnh vực của các cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện theo lộ trình giảm bình quân 7,5% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 (*trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp*).

- Tiếp tục thực hiện việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW; Triển khai giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.13. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị, địa phương rà soát, đẩy mạnh sử dụng các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

#### **1.14. Tiêu chí thành phần “Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đạt tối thiểu 30%; cấp huyện đạt tối thiểu 20% và cấp xã đạt tối thiểu 15%.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: Triển khai nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của Văn phòng Chính phủ tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống số hóa kết quả giải quyết TTHC; hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành việc xây dựng, để đảm bảo thống nhất đầu mối quản lý, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện (theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng UBND tỉnh tại Thông tư 01/2022/TT-VPCP ngày 02/5/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

#### **1.15. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% DVCTT được xây dựng toàn trình.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đáp ứng yêu cầu cung cấp DVCTT toàn trình, DVCTT một phần theo quy định tại Chương III của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, gửi văn bản đề xuất đối với các dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, một phần.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.16. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% hồ sơ được giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy).

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai Kế hoạch số 1166/KH-UBND ngày 19/5/2023 về hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Công văn số 2346/UBND-KGVX ngày 31/8/2023 về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 629/KH-UBND ngày 19/3/2024 triển khai chiến dịch cao điểm 100 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công”; chiến dịch được thực hiện từ ngày 22/3/2024 đến ngày 29/6/2024.

- Đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

+ Duy trì, cung cấp việc sử dụng ứng dụng Zalo để triển khai phục vụ công dân, tổ chức tra cứu, theo dõi tình trạng giải quyết hồ sơ; đánh giá mức độ hài lòng khi giao dịch với các cơ quan hành chính; gửi phản ánh, kiến nghị qua Zalo; công khai các thông tin công dân, tổ chức quan tâm; tuyên truyền các chủ trương, chính sách... đến công dân, tổ chức; đồng thời tiếp tục nghiên cứu phát triển trên các nền tảng ứng dụng khác.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố giao nhiệm vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó thành viên Tổ công nghệ số đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn, hỗ trợ từng người dân tự sử dụng dịch vụ công trực tuyến để đảm bảo mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 người biết cách sử dụng tài khoản VNeID, đăng nhập và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên các Cổng dịch vụ công.

+ Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân, doanh nghiệp.

+ Các cơ quan nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính với cơ quan hành chính nhà nước khác đã được triển khai dịch vụ công trực tuyến thì không được nộp trực tiếp, phải nộp trực tuyến để đẩy mạnh việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Sở Thông tin và Truyền thông

+ Khẩn trương hoàn thành triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục xây dựng, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp kỹ thuật để tăng cường đảm bảo về an toàn và an ninh thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục xây dựng, chuẩn hóa các dịch vụ công trực tuyến trên các thiết bị di động thông minh; qua ứng dụng Zalo... để tạo thuận tiện cho công dân, doanh nghiệp.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai: Triển khai các nội dung thông tin, tuyên truyền; thực hiện các chuyên mục tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp tham gia khai thác và sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến do cơ quan hành chính của tỉnh cung cấp.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.17. Tiêu chí thành phần “Thực hiện thanh toán trực tuyến”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; 100% TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến và 100% hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Như điểm b, khoản 1.16, mục 1 của kế hoạch này.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.18. Tiêu chí thành phần “Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường”; Tiêu chí thành phần “Số vốn đăng ký của doanh nghiệp”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường; Số vốn đăng ký của doanh nghiệp (bao gồm cả số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung) tăng so với năm 2023.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như phát triển doanh nghiệp trên địa bàn phấn đấu đạt Kế hoạch năm 2024 đề ra. Cần tiếp tục tập trung một số giải pháp trọng tâm gồm:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku (cấp huyện):

+ Tích cực triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển doanh nghiệp năm 2024 trên địa bàn và giao chỉ tiêu cụ thể phát triển doanh nghiệp cho các Đội thuế trực tiếp quản lý địa bàn kinh doanh tại các phường, xã; Phòng Tài chính – Kế hoạch,... trực thuộc UBND cấp huyện. Đưa chỉ tiêu Phát triển doanh nghiệp vào nội dung định kỳ đánh giá hàng tháng của địa phương.

+ Tăng cường vận động, tuyên truyền và hỗ trợ các hộ kinh doanh có đủ điều kiện để chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp. Nên chú trọng tổ chức tuyên

truyền cho tất cả các hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh khi chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp. Một số chính sách hỗ trợ gồm:

- ++ Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;
- ++ Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- ++ Miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm đầu hoạt động;
- ++ Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các TTHC thuế và chế độ kế toán.
- ++ Hiện nay trên địa bàn cấp huyện có số lượng hộ kinh doanh gấp nhiều lần so với số lượng doanh nghiệp, đây là nguồn lực rất lớn để vận động, hỗ trợ chuyển đổi sang thành lập doanh nghiệp;
- ++ Chỉ đạo cho cơ quan thuế tại địa phương tăng cường quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh dựa vào quy mô (doanh thu, vốn kinh doanh, số lượng lao động, ngành nghề kinh doanh, diện tích kinh doanh, nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên...) để vận động những hộ kinh doanh có tiềm lực, điều kiện chuyển đổi sang thành lập doanh nghiệp.
- ++ Chỉ đạo cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc UBND cấp huyện tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình đăng ký thành lập doanh nghiệp ngay khi các cá nhân, hộ gia đình đến làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.
- ++ Xây dựng danh mục kêu gọi đầu tư chi tiết trên địa bàn và tích cực kêu gọi, xúc tiến đầu tư trên địa bàn.
- ++ Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và kịp thời thực hiện, áp dụng các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động, để khuyến khích các doanh nghiệp thành lập mới để khởi nghiệp.
- ++ Tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, Hợp tác xã trên địa bàn để trao đổi nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- + Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động, dịch vụ công về đăng ký kinh doanh và tư vấn, hỗ trợ miễn phí về thủ tục hồ sơ thành lập mới doanh nghiệp; hướng dẫn và triển khai việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng và qua dịch vụ bưu chính.
- + Hằng tháng thông báo cho UBND cấp huyện về kết quả phát triển doanh nghiệp để địa phương có giải pháp đôn đốc hoàn thành kế hoạch đề ra.
- + Triển khai cụ thể và hiệu quả các giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024.

+ Tham mưu UBND tỉnh tổ chức gặp mặt doanh nghiệp trên địa bàn để trao đổi nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

+ Phối hợp với UBND cấp huyện hướng dẫn, hỗ trợ Hộ kinh doanh chuyển đổi đăng ký thành lập mới doanh nghiệp.

+ Tổng hợp trình và công bố danh mục kêu gọi đầu tư chi tiết trên địa bàn tỉnh và tích cực kêu gọi và xúc tiến đầu tư trên địa bàn.

- Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm:

+ Chỉ đạo ngành thuế tuyên truyền, vận động và hỗ trợ các hộ kinh doanh có tiềm năng, có điều kiện để chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp.

+ Chỉ đạo ngành thuế tăng cường gắn kết với các đơn vị đại lý thuế, tư vấn thuế tuyên truyền những chính sách có lợi khi thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ, tư vấn và giúp đỡ doanh nghiệp về chế độ sổ sách kế toán thuận lợi.

+ Triển khai thực hiện tốt, kịp thời các chính sách về: Miễn, giảm thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ chế độ kế toán,... đối với doanh nghiệp theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai có trách nhiệm: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện tất cả các chính sách ưu đãi về tín dụng đối với các doanh nghiệp mới thành lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **1.19. Tiêu chí “Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Giá trị thu ngân sách của tỉnh thuộc nhóm 20 địa phương cao từ vị trí thứ 11 đến 30 so với 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật NSNN, Luật Quản lý thuế, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu NSNN theo nghị quyết của Quốc hội. Bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh để chủ động triển khai chương trình hành động thực hiện kế hoạch dự toán thu NSNN năm 2024.

- Đảm bảo khai thác các nguồn thu, tiết kiệm chi trên địa bàn một cách hợp lý, tích cực, bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương.

- Thực hiện nuôi dưỡng nguồn thu NSNN, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu; triển khai quyết liệt công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa

bàn trong việc thu hồi nợ đọng thuế; đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ điện tử cho người nộp thuế.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**1.20. Tiêu chí “Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao đạt và vượt.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao, Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh tổng hợp, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo kế hoạch đã được phê duyệt.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**2. Cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)**

**2.1. Mức độ hài lòng của người dân đối với trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 83,26%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện đúng, đủ quy định về công khai, minh bạch các thông tin chính sách tại trụ sở cơ quan, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, Cổng thông tin điện tử; hình thức công khai phù hợp, thuận tiện; cung cấp, giải thích thông tin về các chính sách theo nhiều hình thức, giúp mọi người dân dễ tìm, dễ thấy.

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền các lĩnh vực hành chính công trong nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú giúp nâng cao



nhận thức, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân, tổ chức trong quá trình xây dựng và tổ chức thực thi chính sách.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**2.2. Mức độ hài lòng của người dân đối với cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 82,95%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tạo điều kiện cho Nhân dân được biết, được bàn, được tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện; được phản ánh, kiến nghị, tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các cơ chế, chính sách của Trung ương, của địa phương.

- Chủ động, tích cực hơn trong việc gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân nhằm nắm bắt được yêu cầu, mong muốn của người dân, tổ chức để có những biện pháp cải thiện nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém trong quản lý để khắc phục và nâng cao trách nhiệm trong việc giải trình đối với người dân.

- Các chính sách mới được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương lấy phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân, hộp/phòng vắn tại khu dân cư hoặc góp ý trực tiếp với cơ quan có thẩm quyền.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**2.3. Mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng tổ chức thực hiện chính sách**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng tổ chức thực hiện chính sách tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 83,49%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Nâng cao chất lượng chính sách về phát triển kinh tế ở địa phương: Tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định về thu hút đầu tư, kinh doanh, việc làm tại địa phương.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập:

+ Tăng cường tuyên truyền chính sách về khám chữa bệnh cho người bệnh đảm bảo, phù hợp với trạm y tế như: Về khám, chữa bệnh; bảo hiểm y tế...

+ Từng bước nâng cao chất lượng trạm y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân, bảo đảm cho mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe ban đầu với chi phí thấp, hiệu quả cao, góp phần thực hiện công bằng xã hội, tạo niềm tin cho Nhân dân. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin khám chữa bệnh; nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ y, bác sỹ.

- Cải thiện chất lượng giáo dục phổ thông công lập:

+ Cải thiện chất lượng giáo dục; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học cho các nhà trường.

+ Tiếp tục đầu tư, xây dựng, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia ở các cấp học; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và phẩm chất đạo đức. Thiết lập các kênh thông tin để thường xuyên liên hệ trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập và rèn luyện của học sinh; tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công để phân tích, đánh giá và xây dựng các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chỉ số hài lòng trong lĩnh vực giáo dục.

- Chính sách về trật tự, an toàn xã hội:

+ Đảm bảo an ninh chính trị, quản lý dân cư, giữ gìn trật tự nơi công cộng, quản lý an ninh mạng, phòng chống tội phạm; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện các chương trình phối hợp giữa chính quyền cơ sở, các đoàn thể và Nhân dân trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện tốt các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy; không để xảy ra các hoạt động tội phạm mới, giảm tội phạm do nguyên nhân xã hội.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

#### **2.4. Mức độ hài lòng của người dân đối với tiếp cận dịch vụ**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với tiếp cận dịch vụ tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,19%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc bố trí gọn gàng, sạch sẽ và đầy đủ trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại Trung tâm

phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là bộ phận Một cửa).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh (đối với những nơi đã chuyển Bộ phận một cửa sang Bưu điện):

+ Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC một cách dễ dàng, nhanh chóng tại trụ sở của cơ quan, trên Trang TTĐT. Ngoài ra, mở rộng các hình thức thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC qua Đài Truyền thanh – Truyền hình, qua mạng xã hội.

+ Tiếp tục quan tâm cải thiện nơi làm việc, bổ sung thêm trang thiết bị, phương tiện phục vụ tiếp đón và làm việc tại Bộ phận một cửa đảm bảo đầy đủ biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy; đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức đến giao dịch; trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức đầy đủ, dễ sử dụng; khắc phục những điểm bất hợp lý trong không gian đón tiếp, làm việc với người dân, tổ chức, chấm dứt tình trạng người dân, tổ chức phải đứng làm việc với cơ quan nhà nước hoặc vị trí ngồi giao dịch còn bất tiện, kém thoải mái.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

## **2.5. Mức độ hài lòng của người dân đối với TTHC**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với TTHC tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,09%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra bằng nhiều hình thức phù hợp.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Phải niêm yết công khai, minh bạch TTHC tại vị trí thuận tiện, khoa học để người dân dễ tiếp cận, tìm hiểu; cập nhật đầy đủ, kịp thời những thay đổi của TTHC khi có quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền các hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của các Cổng/Trang TTĐT, vận hành hiệu quả Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh cung ứng DVCTT và có giải pháp để hỗ trợ, giúp người dân, tổ chức sử dụng DVCTT.

+ Nghiêm túc rà soát, kiến nghị đơn giản hóa những TTHC rườm rà, phức tạp; hoặc đề xuất bổ sung loại giấy tờ cần thiết vào trong quy định, tránh tình trạng công chức giải quyết tự ý đòi bổ sung thêm các giấy tờ khác ngoài quy định; tăng cường các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức trong việc lập hồ sơ, TTHC (như xây

dựng các bộ biểu mẫu tham khảo, thành lập các tổ tư vấn thực hiện thủ tục ngay tại Bộ phận một cửa, tư vấn qua điện thoại, website, ứng dụng di động,...

+ Thực hiện đảm bảo đúng quy trình quy định trong giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhất là về thành phần hồ sơ, mức phí/lệ phí và thời hạn giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**2.6. Mức độ hài lòng của người dân đối với công chức tại Bộ phận một cửa**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với công chức tại Bộ phận một cửa tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,90%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động của Bộ phận Một cửa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận một cửa; khi có phản ánh của người dân về thái độ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận một cửa thì xác định lỗi và đề nghị thay đổi vị trí công tác (nếu cần).

- Bưu điện tỉnh tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bưu điện làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm, năng lực chuyên môn khi tiếp nhận hồ sơ TTHC.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh:

+ Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra và xử lý ngay các trường hợp vi phạm về thái độ giao tiếp ứng xử, nội quy, giờ giấc làm việc. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện đòi hỏi giấy tờ sai quy định, tự đặt thêm khâu công việc, những nhiễu, tiêu cực. Chấp hành nghiêm các quy định về hướng dẫn hồ sơ bằng Phiếu hướng dẫn, đề nghị bổ sung hồ sơ không quá 01 lần và bằng văn bản, đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết phải có thông báo từ chối giải quyết hồ sơ, hồ sơ trễ hẹn phải có thông báo hẹn lại thời gian trả kết quả,... Không để người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần.

+ Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên bồi dưỡng, hỗ trợ cho nhân viên bưu điện làm việc tại Bộ phận một cửa để nắm vững quy định về TTHC để cung cấp thông tin, hướng dẫn TTHC cho người dân, tổ chức đúng quy định, tận tình và chu đáo.

+ Phân công lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp theo dõi và chịu trách nhiệm về hoạt động của Bộ phận Một cửa, về thái độ, tinh thần trách nhiệm và năng lực giải quyết công việc của công chức một cửa và công chức chuyên môn có liên quan.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **2.7. Mức độ hài lòng của người dân đối với kết quả dịch vụ**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với kết quả dịch vụ tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,20%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, trọng tâm là thực hiện trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị SNCL trong công tác cải cách TTHC; trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức phải đảm bảo kết quả giải quyết phù hợp với quy định, đầy đủ thông tin, thông tin chính xác và đảm bảo tính công bằng; kiên quyết xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh:

- + Thực hiện nghiêm quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung để nâng cao tính công khai, minh bạch và kiểm soát việc giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- + Thực hiện nghiêm túc việc công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC xảy ra sai sót, quá hạn đối với kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- + Triển khai đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **2.8. Mức độ hài lòng của người dân đối với việc cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Mức độ hài lòng của người dân đối với việc cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,30%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC và công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bru điện tỉnh:

+ Phân công cán bộ, công chức, viên chức sẵn sàng tiếp nhận, giải đáp, hướng dẫn những vấn đề mà người dân, tổ chức còn vướng mắc; kết quả trả lời, giải đáp những vướng mắc, phản ánh, kiến nghị phải được phản hồi trực tiếp, nhanh chóng cho người dân, tổ chức và công bố công khai qua Cổng/Trang TTĐT, phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại nơi làm việc và các hình thức phù hợp khác.

+ Công khai số điện thoại đường dây nóng của Văn phòng UBND tỉnh, của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về giải quyết TTHC.

+ Kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bru điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3. Tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã thực hiện tốt, đạt hiệu quả**

#### **3.1. Tiêu chí “Thực hiện kế hoạch CCHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC để kịp thời phát hiện và tham mưu chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong Kế hoạch năm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC; quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC; rà soát lại những nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3638/KH-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh CCHC năm 2024 của tỉnh Gia Lai, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm, quan tâm chỉ đạo thực hiện để hoàn thành kế hoạch năm 2024.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Theo kế hoạch được giao.

#### **3.2. Tiêu chí “Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm chế độ báo cáo CCHC định kỳ theo quy định tại Công văn số 359/SNV-TCBC&CCHC ngày 28/02/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ.

- Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành báo cáo định kỳ về CCHC gửi Bộ Nội vụ theo quy định tại Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Nội vụ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

### **3.3. Tiêu chí “Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Kiểm tra từ 30% trở lên cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Thực hiện theo Kế hoạch số 714/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh về kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Nội vụ.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Theo Kế hoạch.

### **3.4. Tiêu chí “Công tác tuyên truyền CCHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua cả 03 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh; (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và đa dạng tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Thực hiện theo Kế hoạch số 3640/KH-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh tuyên truyền công tác CCHC năm 2024 của tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Theo Kế hoạch.

### **3.5. Tiêu chí “Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên được hội đồng thẩm định Trung ương công nhận.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, đề xuất sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC chung của tỉnh. Đảm bảo hàng năm, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, gửi Bộ Nội vụ thẩm định (Các giải pháp, sáng kiến phải bám sát một trong 06 nội dung CCHC được nêu tại Chương trình tổng thể của Chính phủ; Nội dung báo cáo phải đầy đủ thông tin về tên của sáng kiến/giải pháp; làm rõ tính mới, tính hiệu quả và phạm vi áp dụng của sáng kiến, giải pháp đề xuất và hiệu quả thực tế mang lại...).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.6. Tiêu chí “Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổ chức từ 02 cuộc đối thoại/diễn đàn trở lên (phải theo chuyên đề, không tính các cuộc tiếp công dân và tiếp xúc cử tri định kỳ); có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn và 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lựa chọn chủ đề, chuẩn bị các nội dung, tham mưu UBND tỉnh tổ chức các cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp.

- Sau các cuộc đối thoại/diễn đàn, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp; chuyển thông tin và cùng các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền chủ động giải quyết dứt điểm các kiến nghị hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, đề xuất.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả xử lý các đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.



- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.7. Tiêu chí “Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành đúng tiến độ tất cả các nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tham mưu UBND tỉnh thực hiện hoàn thành đúng tiến độ 100% các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao; quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ; thường xuyên rà soát lại những nhiệm vụ được giao, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm, quan tâm chỉ đạo thực hiện để hoàn thành đúng tiến độ tất cả các nhiệm vụ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Theo nhiệm vụ được giao.

### **3.8. Tiêu chí “Theo dõi tình hình thi hành pháp luật (TDTHTHPL)”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ các hoạt động TDTHTHPL theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về TDTHTHPL, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về TDTHTHPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHTHPL theo thẩm quyền và báo cáo kết quả TDTHTHPL định kỳ hàng năm đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

- Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả TDTHTHPL theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Báo cáo Bộ Tư pháp về công tác TDTHTHPL theo quy định tại khoản 7, Điều 1, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Tư pháp.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Theo Kế hoạch, quy định.

### **3.9. Tiêu chí “Rà soát văn bản QPPL”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp kịp thời, đúng quy định; 100% văn bản QPPL hoàn thành việc xử lý sau rà soát và báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đáp ứng yêu cầu về nội dung, thời gian theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND tỉnh kịp thời và đúng quy định.

- Thực hiện báo cáo công tác rà soát văn bản QPPL theo quy định, đảm bảo 100% văn bản QPPL hoàn thành việc xử lý sau rà soát.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Tư pháp.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm 2025.

### **3.10. Tiêu chí “Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% văn bản hoàn thành việc xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các sở, ban, ngành thực hiện tham mưu UBND tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật do các bộ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kiến nghị xử lý đối với văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị; đảm bảo 100% văn bản hoàn thành việc xử lý.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra (nếu có).

### **3.11. Tiêu chí “Kiểm soát quy định TTHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền; có các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Văn phòng UBND tỉnh

- Thực hiện kiểm soát quy định TTHC trong dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trình, trong đó thực hiện đầy đủ việc đánh giá tác động, thẩm định, công bố theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát TTHC trọng tâm, tổ chức thực hiện và tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện, đảm bảo tất cả các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC đều được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Theo Kế hoạch.

### **3.12. Tiêu chí thành phần “Công bố thủ tục hành chính (TTHC), danh mục TTHC theo quy định”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời và công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định của bộ, ngành Trung ương.

- Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Trường hợp văn bản QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản QPPL có quy định về TTHC.

- Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo thẩm quyền quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị chủ động tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định.

- Các sở, ban, ngành tỉnh thường xuyên theo dõi quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ; theo trách nhiệm của ngành, lĩnh vực, kịp thời xây dựng dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC; trên cơ sở quyết định công bố nhóm TTHC liên thông của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các sở, ban, ngành tỉnh trong phạm vi, trách nhiệm của mình kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục nhóm TTHC liên thông; trong quá trình rà soát các TTHC, xét cần thiết đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh công bố nhóm TTHC thí điểm liên thông tại các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Theo mục tiêu, yêu cầu tại khoản a mục này.

### **3.13. Tiêu chí thành phần “Công khai TTHC và các quy định có liên quan”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng Dịch vụ công (DVC) quốc gia; trên Cổng DVC của tỉnh và các Website của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC; tại Bộ phận Một cửa các cấp.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc công khai TTHC; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra trang TTĐT của các đơn vị, địa phương sau khi có Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên đôn đốc các đơn vị, địa phương tăng cường cung cấp thông tin về TTHC lên Trang TTĐT; phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành Cổng DVC tỉnh Gia Lai đảm bảo hoạt động ổn định, bảo mật, an toàn thông tin, kết nối, đồng bộ dữ liệu về với Cổng DVC Quốc gia.

- Các sở, ban, ngành tỉnh kịp thời cập nhật danh mục, thông tin TTHC của tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời các TTHC được cung cấp thông tin trên Trang TTĐT khi có thay đổi.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bureau điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024/Sau khi có quyết định công bố TTHC.

### **3.14. Tiêu chí “Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở, huyện, xã được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa của cấp huyện, xã; 100% số TTHC trong Danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 và các văn bản khác (nếu có) được đưa ra thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp; Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp; Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện đúng quy định việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Đề nghị Ban Chỉ

huy quân sự cấp huyện, Công an cấp huyện, Bảo hiểm xã hội cấp huyện nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Thường xuyên trong năm.

**3.15. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”; Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tối thiểu 99,7% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai yêu cầu các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện xác định nguyên nhân tại một số Chi nhánh có tỷ lệ hồ sơ chậm trễ cao từ đó có giải pháp khắc phục cụ thể nhằm giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trong giải quyết thuộc lĩnh vực đất đai.

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh nâng cao hiệu quả hoạt động để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, giải quyết hồ sơ trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; nếu để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**3.16. Tiêu chí thành phần “Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đảm bảo 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn; nếu để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Khi để xảy ra trễ hẹn.

### **3.17. Tiêu chí thành phần “Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 80% - 100% CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu, xác định nguyên nhân, triển khai các biện pháp cải thiện chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC; quan tâm hơn nữa việc đánh giá giải quyết TTHC nói riêng, cải cách TTHC nói chung; tích cực phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong đánh giá giải quyết TTHC nhằm bảo đảm việc đánh giá phản ánh thực trạng, đáp ứng mục đích, yêu cầu của việc đánh giá, từ đó góp phần nâng cao sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với cơ quan nhà nước.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Thường xuyên trong năm.

### **3.18. Tiêu chí “Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được trả lời và công khai theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận phản ánh kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Xử lý hiệu quả và công khai theo quy định 100% số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Sau khi có phản ánh kiến nghị/theo thời gian quy định.

### **3.19. Tiêu chí “Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện; 100% sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; 100% số phòng thuộc CQCM cấp tỉnh và tương đương (bao gồm cả thanh tra, văn phòng, ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành) có số lượng lãnh đạo phù hợp với định mức biên chế được giao; giảm số lượng đơn vị SNCL so với năm 2023.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Thực hiện nghiêm Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quản lý; Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc sắp xếp lại bộ máy bên trong các chi cục, ban trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

+ Căn cứ Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ chủ quản, kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thực hiện đúng quy định.

+ Tham mưu bổ nhiệm lãnh đạo cấp sở đúng quy định về cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện rà soát, sắp xếp lại cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng thuộc cơ quan mình một cách hợp lý.

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức hành chính và đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2026.

- Sở Nội vụ: Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Triển khai có hiệu quả các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII như Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/ 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/ 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.20. Tiêu chí “Thực hiện các quy định về quản lý biên chế”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính, tổng số lượng người làm việc được giao.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng biên chế hành chính không vượt quá số lượng so với số biên chế hành chính được giao; số người làm việc tại các đơn vị SNCL không vượt quá số lượng so với số người làm việc tại các đơn vị SNCL được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.21. Tiêu chí “Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã và 100% số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP; kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định; tổng hợp, báo cáo tình hình xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.22. Tiêu chí “Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành hoặc trong các trường hợp chia, tách, sáp nhập, thành lập mới tổ chức trên địa bàn tỉnh; 100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí; 100% đơn vị SNCL phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.



b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đảm bảo: Các cơ quan, tổ chức hành chính phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí; Các đơn vị SNCL thuộc tỉnh phải thực hiện đúng các quy định sau: Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.23. Tiêu chí “Tuyển dụng công chức, viên chức”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tuyển dụng công chức tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện (nếu có); UBND cấp huyện tổ chức tuyển dụng cấp xã; Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.24. Tiêu chí “Công tác quản lý, sử dụng tài sản công”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: (1) 100% cơ quan, đơn vị ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; (2) có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và rà soát, chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; (3) từ 80% trở lên cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định; rà soát, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản đối với cơ sở nhà, đất theo quy định.

- Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: (1) Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan; (2) Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Tài chính; (3) Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**3.25. Tiêu chí thành phần “Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có thêm từ 01 đơn vị SNCL trở lên được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại).

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ tài chính đơn vị SNCL. Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị SNCL.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính; UBND cấp huyện.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

**3.26. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài chính:

+ Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện dự toán NSNN.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Việc lập dự toán phải trên cơ sở chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, dự toán phải bảo đảm chi tiết theo từng nội dung chi, thuyết minh rõ cơ sở căn cứ tính toán từng nội dung chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

+ Quá trình thực hiện chi các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chi theo đúng dự toán được giao, chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; kinh phí kinh phí đặc thù cuối năm chi không hết phải hoàn trả lại ngân sách hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

+ Các cơ quan nhà nước, đơn vị SNCL thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính phải tổ chức rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy

định để thực hiện chi tiêu, bảo đảm quy chế phải quy định rõ các nội dung chi theo chế độ, mức chi của từng nội dung chi.

+ Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.27. Tiêu chí thành phần “Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Tiếp tục duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.28. Tiêu chí thành phần “Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật và kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành kết nối sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai việc kết nối nền tảng điện toán đám mây.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

### **3.29. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông triển khai vận hành hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh; đồng thời thực hiện kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.30. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt 100%; 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 90% trở lên; 100% UBND cấp xã có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 70% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, hệ thống Một cửa điện tử...).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.31. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% sở, ngành và tương đương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã kết nối.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông duy trì việc thực hiện kết nối, liên thông hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (liên thông 4 cấp: Trung ương - tỉnh - huyện - xã).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.32. Tiêu chí thành phần “Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định; 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì kết nối hệ thống báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; đồng thời triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Tiếp tục duy trì, tăng cường sử dụng có hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh. Cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật lên Cổng/Trang TTĐT các đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã/Văn phòng UBND tỉnh.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.33. Tiêu chí thành phần “Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và thực hiện chuyển đổi sang công nghệ IPv6.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành triển khai thực hiện các giai đoạn chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Kế hoạch số 2200/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh (trong đó có Cổng thông tin điện tử tỉnh).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.34. Tiêu chí thành phần “Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành việc xây dựng, để đảm bảo thống nhất đầu mối quản lý, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.35. Tiêu chí “Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm 2024 tăng so với năm 2023.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục tham mưu, xin ý kiến UBND tỉnh để sửa đổi quy trình đăng ký triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (thay thế văn bản số 2631/SKHĐT-DN, ngày 18/8/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư); tiếp tục thực hiện cải cách TTHC nhằm giải quyết hồ sơ đăng ký đầu tư với thời gian nhanh nhất và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tuần cho UBND tỉnh về tình hình xử lý hồ sơ, giải quyết khó khăn, vướng mắc các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh để UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vướng mắc; trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung quy hoạch.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

### **3.36. Tiêu chí “Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp”**

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tăng so với năm 2023.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, có thế mạnh của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân.

- Tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh so với quy định. Không đặt ra các khoản thu, các điều kiện ràng buộc ngoài quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2024.

*(Một số mục tiêu cụ thể nhằm duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2024 trong phụ lục kèm theo)*

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, đề ra các biện pháp, giải pháp, phân công trách nhiệm và nhiệm vụ với nguyên tắc “rõ việc - rõ người - rõ trách nhiệm - rõ thời gian - rõ hiệu quả” cho các phòng, ban, đơn vị và cho từng cán bộ, công chức, viên chức gắn với thường xuyên kiểm tra, đôn đốc quyết liệt để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC hàng năm theo Kế hoạch này và chỉ đạo của UBND tỉnh. **Thời gian gửi kế hoạch góp phần khắc phục, duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS tỉnh Gia Lai năm 2024 về Sở Nội vụ chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kế hoạch này.**

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện (lồng ghép trong báo cáo CCHC) về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh).

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường giám sát việc triển khai công tác CCHC tại các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương, đặc biệt đối với việc giải quyết TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp để đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định; vận động các hội viên, đoàn viên tích cực và tự giác tham gia với tư cách thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng chính quyền.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai, Công TTĐT tỉnh (Trung tâm Tin học - Văn phòng UBND tỉnh) và các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này, kết quả khắc phục của các cơ quan, địa phương trên chuyên trang, chuyên mục, bài, bản tin về CCHC để các cơ quan liên quan, cấp thẩm quyền theo dõi, chỉ đạo và làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại người đứng đầu hàng năm theo thẩm quyền. Tăng cường công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, nêu gương các điển hình tiên tiến trong công tác CCHC của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các sáng kiến CCHC có hiệu quả trong thực tiễn. Đồng thời phản ánh những hạn chế, tồn tại của bộ máy, của cán bộ công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện CCHC.

4. Giao Sở Nội vụ làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch nhằm cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC được xác định trong Đề án Chỉ số CCHC. Định kỳ hàng quý tổng hợp, lồng ghép việc thực hiện kế hoạch này vào báo cáo CCHC để báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá

trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương  
kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:** *Hoan*

- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thanh Lịch**



**Phụ lục**  
**MỤC TIÊU CU THỂ NHẪM DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC, CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN**  
**ĐỐI VỚI VỤ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI NĂM 2024**  
*(Thực hiện theo Kế hoạch số 1648/KH-UBND ngày 05 / 7 /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*



TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/Thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>				
1	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	Hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch
2	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Nội vụ	Chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo
3	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong	Từ 30% trở lên cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC)	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch

*Nhan*

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	năm	cấp huyện được kiểm tra trong năm		Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Nội vụ	
4	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoàn thành việc xử lý	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh/Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra	Sau khi kết thúc đợt kiểm tra
5	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền CCHC cả 3 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh; (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH của tỉnh.</li> <li>- Ngoài các hình thức trên, tuyên truyền thêm ít nhất một</li> </ul>	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Công đoàn viên chức tỉnh, Sở Văn hoá, Thể	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		trong các hình thức sau: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác.		thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	
6	TC 1.5 - Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên (Hàng năm, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, gửi Bộ Nội vụ thẩm định)	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên trong năm
7	TC 1.6 - Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức từ 02 cuộc đối thoại/diễn đàn trở lên (phải theo chuyên đề, không tính các cuộc tiếp công dân và tiếp xúc cử tri định kỳ);</li> <li>- Có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn;</li> <li>- 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý (có báo cáo tổng hợp).</li> </ul>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
8	TC 1.7 - Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Theo nhiệm vụ được giao
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>				
1	TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về TDTHTHPL	Thực hiện đầy đủ 02 hoạt động TDTHTHPL theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể: + Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật. + Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Tư pháp	Theo kế hoạch
2	TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả TDTHTHPL	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHTHPL theo thẩm quyền	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Tư pháp	Trong năm 2024
3	TCTP 2.2.1 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Thực hiện công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực kịp thời, đúng	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Tư	Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm 2025

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		quy định.		pháp	
4	TCTP 2.2.2 - Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	100% văn bản QPPL hoàn thành việc xử lý sau rà soát	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm/kết thúc năm đánh giá
5	TC 2.3 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị.	100% văn bản hoàn thành việc xử lý (nếu có)	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH TTHC</b>				
1	TC 3.1 - Kiểm soát quy định TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền;</li> <li>- Có các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC.</li> </ul>	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Trong năm 2024/Theo Kế hoạch
2	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời.</li> <li>- Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định của bộ, ngành Trung ương.</li> </ul>	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.</li> <li>- Trường hợp văn bản</li> </ul>

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
					QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản QPPL có quy định về TTHC.
3	TCTP 3.2.2 - Công khai TTHC và các quy định có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia;</li> <li>- Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC của tỉnh và các Website của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC;</li> <li>- Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận Một cửa các cấp.</li> </ul>	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông / Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong văn bản QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.</li> <li>- Ngay sau khi có Quyết định công bố TTHC.</li> </ul>
4	TCTP 3.2.3 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống	- 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	thông tin giải quyết TTHC	DVC quốc gia; - 100% hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính các cấp tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Cổng DVC của tỉnh.		tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
5	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa; - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên trong năm
6	TCTP 3.3.2 - Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	100% số TTHC trong Danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		07/10/2019 và các văn bản khác (nếu có) được đưa ra thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp		tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
7	TCTP 3.3.3 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Từ 50 TTHC trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
8	TCTP 3.3.4 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Từ 30 TTHC trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
9	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên trong năm
10	TCTP 3.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng	Văn phòng	Thường xuyên trong năm



TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	được giải quyết đúng hạn		UBND tỉnh	UBND tỉnh/UBND cấp huyện	
11	TCTP 3.4.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/UBND cấp xã	Thường xuyên trong năm
12	TCTP 3.4.4 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Khi để xảy ra trễ hẹn
13	TCTP 3.4.5 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	- Từ 80% - 100% CQCM cấp tỉnh đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên; - Từ 80% - 100% UBND cấp huyện đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên; - Từ 80% - 100% UBND cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
14	TCTP 3.5.1 - Xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	100% PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được trả lời	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sau khi có phản ánh kiến nghị/theo thời gian quy định
15	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sau khi có văn bản trả lời/theo thời gian quy định
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>				
1	TCTP 4.1.1 - Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện	Thực hiện kịp thời, đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Khi có quy định mới của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức có hiệu lực thi hành
2	TCTP 4.1.2 - Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu các CQCM cấp tỉnh;</li> <li>- 100% số phòng thuộc CQCM cấp tỉnh và tương đương (bao gồm cả thanh tra,</li> </ul>	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		văn phòng, ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành) có số lượng lãnh đạo phù hợp với định mức biên chế được giao;  - 100% các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu.			
3	TCTP 4.1.3 - Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị SNCL so với năm 2021	Có giảm so với năm 2023	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2024
4	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
5	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong các đơn vị SNCL của tỉnh	Sử dụng không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
6	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà	Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ theo đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh;	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực		UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
7	TCTP 4.3.2 - Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã	Có thực hiện thanh tra, kiểm tra theo quy định	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024
8	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	100% số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CÔNG VỤ</b>				
1	TCTP 5.1.1 - Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành hoặc trong	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		các trường hợp chia, tách, sáp nhập, thành lập mới tổ chức trên địa bàn tỉnh			
2	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
3	TCTP 5.1.3 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% đơn vị SNCL phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm;</li> <li>- 100% đơn vị SNCL hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt;</li> <li>- 100% đơn vị SNCL bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.</li> </ul>	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
4	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND	Theo kế hoạch (nếu có)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				cấp xã	
5	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL thuộc tỉnh	100% đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Theo kế hoạch (nếu có)
6	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định;</li> <li>- 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định;</li> <li>- 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định.</li> </ul>	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2024
7	TC 5.4 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có lãnh đạo UBND tỉnh và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên;</li> <li>- Không có lãnh đạo cấp sở, ngành, huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên;</li> <li>- Không có lãnh đạo cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương</li> </ul>	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.			
8	TCTP 5.5.1 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
9	TC 5.6 - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% cán bộ cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định đối với từng chức danh cụ thể;</li> <li>- 100% công chức cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định đối với từng chức danh cụ thể.</li> </ul>	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ/UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>				
1	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN	Thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn NSNN	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
2	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
3	TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
4	TCTP 6.2.1 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	100% cơ quan, đơn vị ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
5	TCTP 6.2.2 - Tổ chức thực hiện các quy	- Có kiểm tra việc thực hiện	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành	Thường xuyên trong năm



TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	định về quản lý, sử dụng tài sản công	các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; - Rà soát, chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.		tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Tài chính	
6	TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Từ 80% trở lên cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
7	TCTP 6.3.1 - Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Có thêm từ 01 đơn vị SNCL trở lên được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại)	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
8	TCTP 6.3.2 - Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	- Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên so với năm 2022; - Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên so với năm 2022; - Có thêm ít nhất 01 đơn vị tự	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên so với năm 2022.			
9	TCTP 6.3.3 - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
10	TCTP 6.3.4 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	Từ 10% trở lên	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>				
1	TCTP 7.1.1 - Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2024
2	TCTP 7.1.2 - Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ	- Trong năm 2024; - Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		tiêu kỹ thuật theo quy định; - Kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định.		quan, đơn vị có liên quan/Sở Thông tin và Truyền thông	
3	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2024
4	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
5	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh	- 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt 100%. - 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 90% trở lên. - 100% UBND cấp xã có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		trên môi trường mạng đạt từ 70% trở lên.			
6	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% sở, ngành và tương đương đã kết nối;</li> <li>- 100% UBND cấp huyện đã kết nối;</li> <li>- 100% UBND cấp xã đã kết nối.</li> </ul>	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024
7	TCTP 7.2.3 – Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định;</li> <li>- 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã/Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2024
8	TCTP 7.3.1 – Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;</li> </ul>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan/Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		- Thực hiện chuyển đổi sang công nghệ IPv6.			
9	TCTP 7.3.3 - Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện/Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2024
10	TCTP 7.3.4 - Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đạt tối thiểu 30%;</li> <li>- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đạt tối thiểu 20%;</li> <li>- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đạt tối thiểu 15%.</li> </ul>	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông/Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
11	TCTP 7.3.5 - Tỷ lệ DVCTT toàn trình	100% DVCTT được xây dựng toàn trình	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
12	TCTP 7.3.6 - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	100% hồ sơ được giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
13	TCTP 7.3.7 - Thực hiện thanh toán trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến;</li> <li>- 100% TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến;</li> <li>- 100% hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</li> </ul>	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
<b>VIII</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC</b>				

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
<b>CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH</b>					
1	TCTP 8.1.1 – Mức độ hài lòng về tiếp cận dịch vụ thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,19%)	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024
2	TCTP 8.1.2 - Mức độ hài lòng về TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,09%)	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024
3	TCTP 8.1.3 - Mức độ hài lòng về công chức tại Bộ phận Một cửa thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,90%)	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công của	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
4	TCTP 8.1.4 - Mức độ hài lòng về kết quả dịch vụ thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,20%).	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024
5	TCTP 8.1.5 - Mức độ hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2023 (năm 2023 là 84,30%)	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh/Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2024



TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
6	TC 8.2 - Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm 2024 tăng so với năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2024
7	TCTP 8.3.1 - Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường tăng so với năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2024
8	TCTP 8.3.2 - Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp (bao gồm cả số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung) tăng so với năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2024
9	TCTP 8.3.3 - Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Tăng so với năm 2023	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên	Trong năm 2024

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				quan	
10	TC 8.4 - Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Giá trị thu ngân sách của tỉnh thuộc nhóm 20 địa phương cao từ vị trí thứ 11 đến 30 so với 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Năm 2023, xếp vị trí thứ 47/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Sở Tài chính	Sở Tài chính/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2024
11	TC 8.5 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao đạt và vượt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2024

*Hoan*